

Bản án số: 65/2019/HS-ST
Ngày 17-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ái

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Diệu Huệ và Lê Thị Tỷ

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Tiệp – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trương Thế Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **Trịnh Thị Ngọc T**, sinh năm 1983, tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà số 49/7, đường N, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (thực tế không có cư trú tại địa phương); nơi ở: Không ổn định; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn P (chết) và bà Phan Thị Tuyết A (chết); chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 25/6/2001, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 03 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” (theo Bản án hình sơ thẩm số 302/HSST ngày 25/6/2001 và đã chấp hành xong quyết định khác tháng 9/2001) và ngày 30/8/2002, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt này với hình phạt 02 năm 06 tháng tù của Bản án hình sơ thẩm số 302/HSST ngày 25/6/2001, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 11 năm 06 tháng tù (đã chấp hành xong hình phạt chính ngày 13/8/2011 và các quyết định khác tháng 3/2003, án tích đã được xóa); bị bắt tạm giữ ngày 21-11-2018, tạm giam ngày 27-11-2018 “có mặt”;

2. **Huỳnh Ngọc T1**, sinh năm 1981, tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà số 22/25, đường T, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Ngọc T1 và bà Nguyễn Thị Bích T; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ ngày 21-11-2018, tạm giam ngày 27-11-2018 “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 12 giờ ngày 21/11/2018, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy-Công an quận Bình Tân kết hợp với Công an phường Bình Trị Đông tuần tra đến trước nhà số 356, đường T, Khu phố 14, phường T, quận B thì nhìn thấy Huỳnh Ngọc T1 đang điều khiển xe mô tô biển số 55P8-2488 chở Trịnh Thị Ngọc T có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra phát hiện trên tay phải của T đang cầm 03 đoạn ống nhựa màu xanh chứa chất bột màu trắng, còn trong tay áo bên trái của T1 có 02 đoạn ống nhựa màu xanh chứa chất bột màu trắng. Tổ tuần tra thực hiện thu giữ toàn bộ các đoạn ống nhựa này, lúc đó T và T1 đều cho biết là ma túy loại Heroin nên đưa cả T, T1 cùng với vật chứng về Công an phường xử lý người có hành vi phạm tội quả tang rồi sau đó chuyển cho Cơ quan điều tra giải quyết theo thẩm quyền. Tại đây, T khai do nghiện ma túy nên thường dùng 500.000 đồng đến khu vực Bờ Kè, Quận 8 mua ma túy về phân ra thành 08 tép và chỉ bán 05 tép với giá 100.000 đồng/tép, để lại 03 tép sử dụng; vào ngày 20/11/2018, T đến địa điểm cũ mua 01 cục ma túy loại Heroin của 01 người thanh niên (không rõ lai lịch) giá 500.000 đồng về phân ra thành 08 tép, sử dụng hết 03 tép, vừa đến điểm hẹn bán cho T1 được 02 tép thu 200.000 đồng, còn cất giữ lại 03 tép để bán cho người khác; riêng trước lúc bị bắt, T đã có 04 lần bán ma túy cho T1 với mỗi lần cách nhau từ 02 đến 03 ngày và mỗi lần bán cho T1 giá từ 100.000 – 200.000 đồng. Còn T1 khai, 02 tép ma túy bị thu giữ là vừa mua của T với giá 200.000 đồng để sử dụng, đồng thời trước đó đã mua ma túy của T được 04 lần và sử dụng hết. Nay vừa mua ma túy của T xong, T có nhờ sẵn xe chở dùm đến khu vực Cây Đa Sà có việc và khi cả hai cùng đang đi trên đường thì bị công an kiểm tra bắt giữ.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trịnh Thị Ngọc T khai, do nghiện ma túy loại Heroin và cần phải có ma túy để sử dụng thường xuyên nên bị cáo hay thực hiện cách thức, dùng 500.000 đồng đi đến khu vực Bờ Kè, Quận 8 mua ma túy của 01 người thanh niên (không rõ lai lịch) về phân ra thành 08 tép, chỉ bán 05 tép với giá 100.000 đồng/tép, còn lại 03 tép để sử dụng. Theo cách đó, trước lúc bị bắt 01 ngày bị cáo đã mua 01 cục ma túy loại Heroin của người này rồi về dùng ống hút màu xanh phân ra thành 08 tép có hàn kín hai đầu, bị cáo sử dụng hết 03 tép, vừa bán xong cho bị cáo Huỳnh Ngọc T1 02 tép giá 200.000 đồng, 03 tép còn lại cũng chỉ để bán cho người khác nhưng chưa kịp bán cho ai thì bị bắt giữ; đồng thời trước đó, bị cáo đã có 04 lần bán ma túy cho bị cáo T1. Còn bị cáo T1 khai, do bản thân nghiện ma túy loại Heroin nên trong thời gian trước ngày bị bắt, bị cáo có 04 lần mua ma túy của bị cáo T và đã sử dụng hết; riêng lần ngày bị bắt, bị cáo vừa mua 02 tép ma túy giá 200.000 đồng của bị cáo T xong và khi bị cáo đang trên đường điều khiển xe mô tô biển số 55P8-2488 chở dùm bị cáo T đến khu vực Cây Đa Sà có việc thì cả 02 bị công an kiểm tra bắt giữ nên các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo không có ý kiến gì về hàm lượng ma túy đã giám định và việc xử lý vật chứng.

Bản cáo trạng số 68/CT-VKS ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Trịnh Thị Ngọc T và Huỳnh Ngọc T1 ra trước Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử đối với bị cáo T về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”, theo điểm b khoản 2 Điều 251; còn bị cáo T1 về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 cùng Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận nêu: Bị cáo Trịnh Thị Ngọc T đã thực hiện hành vi bán ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,1484g, loại Heroin cho bị cáo Huỳnh Ngọc T1 và đang cất giữ ma

túy ở thể rắn, có khối lượng 0,1667g, loại Heroin cũng nhằm mục đích để bán; đồng thời trước lúc bị bắt, bị cáo T đã 04 lần bán ma túy cho bị cáo T1 và được bị cáo T1 thừa nhận nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung hình phạt là “Phạm tội 02 lần trở lên”. Còn bị cáo Huỳnh Ngọc T1 đã có hành vi cất giữ ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,1484g, loại Heroin nhằm mục đích để sử dụng. Hành vi phạm tội của bị cáo T là rất nghiêm trọng, lại có nhân thân xấu, bị cáo T1 là nghiêm trọng và đều gây nguy hiểm cho xã hội nên cần phải xử lý các bị cáo bằng một mức án thật nghiêm thì mới có đủ sức giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; riêng bị cáo T1 có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu nên được xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu. Do đó, giữ nguyên quyết định đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo T với mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù và phạt bổ sung số tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo T1 với mức án từ 01 năm đến 02 năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Còn về vật chứng, đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước chiếc xe mô tô biển số 55P8-2488, 02 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia và số tiền 200.000 đồng; riêng 02 gói ma túy đã giám định thì đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Các bị cáo không ai tranh luận và bào chữa gì về hành vi đã bị truy tố, còn lời nói sau cùng thì xin giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra – Công an quận Bình Tân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Vào lúc 11 giờ 50 phút ngày 21/11/2018, tại trước nhà số 356, đường T, Khu phố 14, phường T, quận B. Bị cáo Trịnh Thị Ngọc T đã có hành vi bán cho bị cáo Huỳnh Ngọc T1 02 đoạn ống nhựa màu xanh chứa chất bột màu trắng. Ngay sau đó lúc 12 giờ cùng ngày, bị cáo T còn có thêm hành vi cất giữ 03 đoạn ống nhựa màu xanh chứa chất bột màu trắng cũng nhằm để tiếp tục bán cho người khác; riêng bị cáo T1 đã thực hiện hành vi cất giữ 02 đoạn ống nhựa màu xanh chứa chất bột màu trắng vừa mới mua được của bị cáo T mà có để sử dụng thì cả 02 bị bắt quả tang. Theo Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hồ Chí Minh thì, “Gói 1: Bột màu trắng trong 03 đoạn ống nhựa màu xanh được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Trịnh Thị Ngọc T, Trần Quang Học (Điều tra viên), Nguyễn Tuấn Nghĩa (người chứng kiến) và hình dấu Công an phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân” gửi đến giám định “là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,1667g, loại Heroin” và “Gói 2: Bột màu trắng trong 02 đoạn ống nhựa màu xanh được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Huỳnh Ngọc T1, Trần Quang Học (Điều tra viên), Nguyễn Tuấn Nghĩa (người chứng

kiến) và hình dấu Công an phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân” gửi đến giám định “là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,1484g, loại Heroin”. Như vậy, ma túy của bị cáo T được xác định có tổng khối lượng là 0,3151g, loại Heroin; đồng thời trước đó, bị cáo đã 04 lần bán ma túy cho bị cáo T1 và được bị cáo T1 thừa nhận nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung hình phạt là “Phạm tội 02 lần trở lên”; còn ma túy của bị cáo T1 có khối lượng là 0,1484g, loại Heroin. Do đó, bị cáo Trịnh Thị Ngọc T đã phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251; còn bị cáo Huỳnh Ngọc T1 đã phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 cùng Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Trịnh Thị Ngọc T và Huỳnh Ngọc T1 tại Tòa hôm nay phù hợp với lời khai của những người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được, biên bản niêm phong, mở niêm phong vật chứng, biên bản đối chất ... nên đã đủ chứng cứ buộc tội các bị cáo và lời đề nghị của Kiểm sát viên vừa nêu trên là có cơ sở chấp nhận. Còn đối với người thanh niên bán ma túy cho bị cáo T, do không rõ lai lịch nên cơ quan điều tra còn đang tiếp tục truy xét đến khi nào phát hiện được sẽ xử lý sau; riêng bị cáo T1, tuy có chờ bị cáo T đến Cây Sa Đà để bán ma túy tiếp cho người khác nhưng do lúc nhờ chờ đi, bị cáo T chỉ nói đến đó có việc nên bị cáo T1 không biết và không là đồng phạm với bị cáo T về hành vi này là có căn cứ.

[3] Xét chất ma túy là loại chất kích thích do Nhà nước độc quyền quản lý, nghiêm cấm mọi hành vi sản xuất, tàng trữ, vận chuyển và mua bán. Các bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai và vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo T là rất nghiêm trọng, bị cáo T1 là nghiêm trọng, đều mang tính chất liều lĩnh, xem thường pháp luật, góp phần làm lan tràn nạn nghiện ngập trong đời sống cộng đồng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương và có thể là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác, trong đó bị cáo T có nhân thân xấu là đã từng 02 lần bị kết án 11 năm 06 tháng tù với loại tội phạm về ma túy. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này với mức án tương xứng. Tuy nhiên tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; riêng bị cáo T1 có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu nên cần được xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 (bị cáo T1 thêm khoản 2) Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng”; do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo đều không có nghề nghiệp và không có điều kiện kinh tế nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, số thuê bao 0933657660 của bị cáo T dùng để liên lạc bán ma túy và đồng thời số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng là tiền do bán ma túy cho bị cáo T1 mà có; còn 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, số thuê bao 0763657198 của bị cáo T1 dùng liên lạc mua ma túy; riêng 01 chiếc xe mô tô biển số 55P8-2488 của bị cáo T1 thường dùng làm phương tiện đi mua ma túy là do anh Tạ Vĩnh Hồng đứng sở hữu

và đã bán lại cho người đàn ông không rõ lai lịch, còn bị cáo thì khai mua của 01 người đàn ông không rõ lai lịch trên đường An Dương Vương, Quận 6 giá 1.700.000 đồng và việc mua bán chỉ bằng giấy tay. Qua xác minh, chiếc xe này không có trong dữ liệu xe vật chứng và Cơ quan điều tra đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để tìm chủ sở hữu thực tế nhưng đến nay vẫn chưa có ai đến giải quyết nên được coi là trường hợp xe không xác định được chủ sở hữu. Do đó, cần tịch thu tất cả để sung quỹ Nhà nước. Riêng đối với 01 gói niêm phong bên trong chứa ma túy đã giám định, bên ngoài có chữ ký ghi tên Trịnh Thị Ngọc T, hình dấu công an phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, chữ ký của giám định viên và cán bộ điều tra; 01 gói niêm phong bên trong chứa ma túy đã giám định, bên ngoài có chữ ký ghi tên Huỳnh Ngọc T1, hình dấu công an phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, chữ ký của giám định viên và cán bộ điều tra là loại chất kích thích, Nhà nước cấm sử dụng nên cần tịch thu tất cả để tiêu hủy.

[6] Các bị cáo Trịnh Thị Ngọc T và Huỳnh Ngọc T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trịnh Thị Ngọc T phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy” và bị cáo Huỳnh Ngọc T1 phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Về điều luật áp dụng và xử hình phạt:

.Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Trịnh Thị Ngọc T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21-11-2018.

.Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc T1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21-11-2018.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Tịch thu sung quỹ Nhà nước gồm: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, số thuê bao 0933657660; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, số thuê bao 0763657198; 01 chiếc xe mô tô biển số 55P8-2488 và số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 gói niêm phong bên trong chứa ma túy đã giám định, bên ngoài có chữ ký ghi tên Trịnh Thị Ngọc T, hình dấu công an phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, chữ ký của giám định viên và cán bộ điều tra; 01 gói niêm phong bên trong chứa ma túy đã giám định, bên ngoài có chữ ký ghi tên Huỳnh Ngọc T1, hình dấu công an phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, chữ ký của giám định viên và cán bộ điều tra.

(Vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân đang tạm giữ theo Phiếu nhập kho số NK19/094 ngày 28/02/2019; riêng số tiền 200.000 đồng được Công an quận Bình Tân gửi vào Kho bạc Nhà nước quận Bình Tân theo tài khoản số 3949.0.9061703.00000 ngày 28/12/2018)

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo Trịnh Thị Ngọc T và Huỳnh Ngọc T1 mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Trịnh Thị Ngọc T và Huỳnh Ngọc T1 có

quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND QBT;
- CA QBT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ –Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Văn Ái